

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình đào tạo Kinh tế đầu tư Chất lượng cao,
ngành Kinh tế đầu tư, trình độ đại học hệ chính quy,
đào tạo theo hệ thống tín chỉ

HIỆU TRƯỞNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quy chế tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Kinh tế quốc dân ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐT ngày 9 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng Trường;

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 17/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Kinh tế quốc dân giai đoạn 2015-2017 và Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 09/11/2017 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 10/2017);

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT quy định chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 62/QĐ-ĐHKTQD ngày 20/01/2021 của Hiệu trưởng về việc thành lập Ban chỉ đạo và các tiểu ban rà soát, đánh giá và cập nhật chương trình Tiên tiến, Chất lượng cao và POHE;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường tại cuộc họp ngày 17/9/2021 về việc đánh giá 10 chương trình đào tạo Chất lượng cao áp dụng từ khóa 63 (tuyển sinh năm 2021);

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Đào tạo Tiên tiến, Chất lượng cao & POHE,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo Kinh tế đầu tư Chất lượng cao, ngành Kinh tế đầu tư, trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.



Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và áp dụng cho khóa 63 (tuyển sinh năm 2021)

Điều 3. Trường các Khoa/Viện có chuyên ngành đào tạo theo Chương trình Chất lượng cao, Viện trường Viện ĐTTT, CLC & POHE và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận: *M*

- Đảng ủy, HĐT (để báo cáo)
- BGH (để chỉ đạo);
- Như Điều 3;
- Công TTĐT (để thông báo)
- K.Đầu tư
- Lưu TH, V.ĐTTT, CLC & POHE



PGS.TS Phạm Hồng Chương





**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
(Chương trình Chất lượng cao)**

*(Ban hành theo Quyết định số 15.92 ngày 22 tháng 9 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường ĐH KTQD)*

Ngành: KINH TẾ ĐẦU TƯ

Major: Investment Economics

CHƯƠNG TRÌNH KINH TẾ ĐẦU TƯ CHẤT LƯỢNG CAO

Program: Investment Economics

Hệ: CHÍNH QUY

Mã ngành (Code of Major): 7310104

Hệ: CHÍNH QUY

Type of Education: Full-time

Xây dựng từ chương trình của Đại học Kinh tế Quốc dân; Đại học tài chính kinh tế

Thượng Hải, Trung Quốc và Đại học McGill, Canada

*(Based on the curriculum of the NEU, Shanghai Finacial and Economics University,
China and McGill University, Canada)*

HÀ NỘI – 9/2021

MỤC LỤC

MỤC LỤC

1. MỤC TIÊU / OBJECTIVE.....	1
2. CHUẨN ĐẦU RA/NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC/ LEARNER CAPABILITIES	2
3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 130 tín chỉ	3
4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH/ APPLICANTS FOR ENROLLMENT	3
5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP	3
6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ:.....	4
7. CẤU TRÚC, NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY	4
7.1. Cấu trúc kiến thức.....	4
7.2. Nội dung và Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)	5
8. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN/INSTRUCTION	8

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHKQTĐ ngày tháng năm 2021 của Hiệu trưởng)

CHƯƠNG TRÌNH (PROGRAM): CỬ NHÂN KINH TẾ ĐẦU TƯ CHẤT LƯỢNG CAO (ADVANCED BACHELOR OF INVESTMENT ECONOMICS)

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO (LEVEL OF EDUCATION): ĐẠI HỌC (UNDERGRADUATE)

NGÀNH ĐÀO TẠO (MAJOR): KINH TẾ ĐẦU TƯ (INVESTMENT ECONOMICS)

MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO (CODE): 7310104

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO (TYPE OF EDUCATION): CHÍNH QUY (FULL - TIME)

1. MỤC TIÊU / OBJECTIVE

Đào tạo cử nhân đại học Chương trình Kinh tế Đầu tư Chất lượng cao có phẩm chất chính trị vững vàng, có đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế; có kiến thức chuyên sâu về đầu tư; có tư duy nghiên cứu độc lập, có năng lực tự bổ sung kiến thức và tiếp tục học tập nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu của công việc.

Cử nhân Chương trình Kinh tế Đầu tư Chất lượng cao có khả năng làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, bộ phận quản lý đầu tư tại các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Trung tâm xúc tiến đầu tư, Ban Quản lý các khu công nghiệp, Ban quản lý dự án...); làm việc tại các Tập đoàn, Tổng công ty, các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội, tổ chức tài chính - ngân hàng, các quỹ đầu tư... với các chức danh chuyên viên đầu tư, chuyên viên tư vấn, chuyên viên phân tích đầu tư, cán bộ thẩm định dự án, chuyên viên xúc tiến đầu tư, cán bộ quản lý rủi ro...; thực hiện các dự án khởi nghiệp và quản lý đầu tư cá nhân.

Cử nhân Chương trình Kinh tế Đầu tư Chất lượng cao sau khi tích lũy kinh nghiệm có khả năng trở thành cán bộ quản lý trong lĩnh vực đầu tư, trưởng phòng hoặc trưởng ban đầu tư tại các doanh nghiệp, các định chế tài chính, phụ trách các trung tâm xúc tiến đầu tư.

Cử nhân Chương trình Kinh tế Đầu tư Chất lượng cao có cơ hội tiếp tục học tập, nghiên cứu ở trình độ sau đại học (thạc sĩ và tiến sĩ Kinh tế Đầu tư) có thể trở thành giảng viên, cán bộ nghiên cứu của các cơ sở đào tạo về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh tại các trường Đại học, Viện nghiên cứu.

2. CHUẨN ĐẦU RA/NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC/ LEARNER CAPABILITIES

Sau khi tốt nghiệp bậc cử nhân ngành Kinh tế đầu tư, sinh viên có khả năng:

PLO 1: Sinh viên có hiểu biết về các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực đầu tư, nắm bắt được các lý thuyết đầu tư, phân tích được tình hình thực tiễn đầu tư và có khả năng tích hợp kiến thức nền tảng để phát hiện, giải quyết vấn đề trong lĩnh vực đầu tư.

PLO 2: Sinh viên có khả năng thể hiện hiểu biết về môi trường đầu tư trong nước và môi trường đầu tư quốc tế (kinh tế, văn hóa, chính trị, luật pháp...). Cập nhật và phân tích tác động của môi trường đầu tư tới hoạt động đầu tư của doanh nghiệp.

PLO 3: Sinh viên có khả năng làm chủ các kỹ thuật phân tích định tính và định lượng để vận dụng phân tích, diễn giải dữ liệu đầu tư để từ đó đưa ra định hướng và giải pháp cải thiện kết quả và hiệu quả đầu tư.

PLO 4: Sinh viên có khả năng tích hợp kiến thức và kỹ năng để phân tích hiện trạng và phát hiện vấn đề thuộc lĩnh vực đầu tư (quản lý nhà nước và quản lý đầu tư của doanh nghiệp). Có khả năng tự học, tự nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để có cơ hội học liên thông ngang giữa các chương trình cùng trình độ đào tạo, nhất là giữa các chương trình thuộc cùng nhóm ngành hoặc cùng lĩnh vực; hoặc có cơ hội tiếp tục theo học ở bậc cao hơn.

PLO 5: Sinh viên có kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Việt và tiếng Anh; Có kỹ năng viết báo cáo và thuyết trình chuyên môn liên quan đến kế hoạch và thực hiện hoạt động đầu tư.

PLO 6: Sinh viên có kỹ năng tổng hợp để làm việc trong môi trường năng động, đa văn hóa; sinh viên có kỹ năng làm việc nhóm.

PLO 7: Có khả năng áp dụng các kiến thức đã được học để giải quyết các vấn đề về đầu tư trong những tình huống cụ thể, đưa ra các giải pháp cho các sự việc ngoài dự kiến. Có tư duy phản biện.

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 130 tín chỉ

Khối lượng học tập của chương trình đào tạo cử nhân Chương trình Kinh tế Đầu tư Chất lượng cao phù hợp với yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam, gồm 136 tín chỉ (viết tắt là TC), không bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng, các lớp tiếng Anh tăng cường do chuyên gia nước ngoài giảng dạy và các lớp kỹ năng mềm được thực hiện bởi các tổ chức chuyên nghiệp. Chi tiết như sau:

Chương trình giảng dạy Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng theo quy định của pháp luật và quy chế của Trường;

Ngoại ngữ, tiếng Anh tăng cường theo Đề án ngoại ngữ dành cho sinh viên chương trình Chất lượng cao nhằm đáp ứng chuẩn ngoại ngữ theo quy định;

Tham quan, thực hành, thực tế tại các tổ chức, doanh nghiệp, công ty, cơ sở sản xuất trong hoặc ngoài nước;

Tham gia các khóa đào tạo chứng chỉ nghề nghiệp thông qua hợp tác với các đơn vị sử dụng lao động, doanh nghiệp để trang bị kiến thức thực tế đối với nghề nghiệp đào tạo.

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH/ APPLICANTS FOR ENROLLMENT

Người học phải đạt chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo, cụ thể người học phải đạt tiêu chuẩn theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

Ngoài ra, người học phải vượt qua kỳ thi đầu vào chương trình Chất lượng cao; đáp ứng yêu cầu về trình độ tiếng Anh để theo học chương trình đào tạo chất lượng cao ngành chuyên sâu Kinh tế đầu tư theo quy định của Trường.

Tự nguyện tham gia vào chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Kinh tế đầu tư.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

(STUDY PROCESS AND GRADUATION REQUIREMENTS)

- **Thời gian đào tạo thiết kế** là 4 năm, bao gồm cả học tăng cường tiếng Anh và thời gian thực tập cuối khóa.

- **Điều kiện tốt nghiệp:** Theo quy định hiện hành của trường Đại học Kinh tế quốc dân và quy định riêng biệt trong quy chế đào tạo áp dụng cho các sinh viên theo học chương trình chất lượng cao. Sinh viên phải hoàn thành tất cả các học phần bắt buộc và số học phần tự chọn theo yêu cầu của chương trình đào tạo, tổng lượng kiến thức là 130 tín chỉ và phải hoàn thành các học phần Giáo dục thể chất và đạt chứng chỉ Giáo dục quốc phòng.

Đồng thời, sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra Tin học và ngoại ngữ theo quy định của dành cho sinh viên Chương trình chất lượng cao.

6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ: Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ

Các học phần của chương trình được đánh giá theo thang điểm 10 hoặc thang điểm 4, được ghi cả bằng số và bằng chữ. Thang điểm 10 được quy đổi sang điểm chữ như sau:

a) Loại đạt:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Từ 8,5 đến 10	A	4,0
2	Từ 8,0 đến 8,4	B+	3,5
3	Từ 7,0 đến 7,9	B	3,0
4	Từ 6,5 đến 6,9	C+	2,5
5	Từ 5,5 đến 6,4	C	2,0
6	Từ 5,0 đến 5,4	D+	1,5

b) Loại không đạt:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Từ 4,5 đến 4,9	D	1,0
2	Dưới 4,5	F	0,0

7. CẤU TRÚC, NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

7.1. Cấu trúc kiến thức

Kiến thức	Khối lượng (Tín chỉ)	Ghi chú	So Sánh CTĐT K61- K62
1. Kiến thức giáo dục đại cương	47		
1.1. Các học phần chung	11	Lý luận chính trị	
	12	Ngoại ngữ	
1.2. Các học phần của Trường	12	Trường quy định bắt buộc 4 HP	
1.3. Các học phần của ngành	12	04 học phần bắt buộc của lĩnh vực	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	83		

2.1. Kiến thức cơ sở ngành	15	05 học phần bắt buộc của nhóm ngành	
2.2. Kiến thức ngành	43		
2.2.1. Các học phần bắt buộc	28		
2.2.2. Các học phần tự chọn	15	SV tự chọn 15 tín chỉ (5 học phần)	
2.3. Kiến thức chuyên sâu	15	SV tự chọn 15 tín chỉ (5 học phần)	
2.4. Khóa luận tốt nghiệp	10		
TỔNG SỐ	130	Không kể GDQP&AN và GDTC	

7.2. Nội dung và Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

Kế hoạch học tập chuẩn

TT No.	TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Học kỳ Semester								
						1	2	3	4	5	6	7	8	
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG				47										
1.1. Các học phần chung				23										
1	1	LLNL1105	Triết học Mác Lê Nin <i>Marxist-Leninist philosophy</i>	3	Tiếng Việt	3								
2	2	LLNL1106	Kinh tế chính trị Mác Lê Nin <i>Political economics of marxism and leninism</i>	2	Tiếng Việt		2							
3	3	LLNL1107	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Scientific socialism</i>	2	Tiếng Việt		2							
4	4	LLNSD1102	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>Vietnam Communist Party History</i>	2	Tiếng Việt		2							
5	5	LLTT1101	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh Ideology</i>	2	Tiếng Việt		2							
6	6	TAAEP01 TAAEP02 TAAEP03	Tiếng Anh 1, 2, 3 English 1,2, 3	12	Tiếng Việt	4	8							
		GDTC	Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	x	Tiếng Việt	x	x	x	x					
		QPCT1101 QPCT1102	Giáo dục quốc phòng / <i>Military Education</i> Công tác quốc phòng an ninh/	x	Tiếng Việt			x						

TT No.	TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Học kỳ Semester												
						1	2	3	4	5	6	7	8					
		QPDL1103	<i>Introduction to the National Defense</i> Quân sự chung/ <i>General Military Education</i>															
		QPDL1104	Đường lối quân sự của Đảng Cộng sản Việt Nam/ <i>Vietnam Communist Party's Direction on the National Defense</i>															
		QPDL1105	Chiến thuật và kỹ thuật bắn súng AK/ <i>Stragegy and Technique of Shooting AK</i>															
1.2. Các học phần bắt buộc của Trường				12														
7	1	KHMI1101	Kinh tế Vi mô 1 <i>Microeconomics 1</i>	3	Tiếng Việt /Tiếng Anh	3												
8	2	KHMA1101	Kinh tế Vĩ mô 1 <i>Macroeconomics 1</i>	3	Tiếng Việt /Tiếng Anh		3											
9	3	LUCS1129	Pháp luật Đại cương <i>Fundamentals of Laws</i>	3	Tiếng Việt	3												
10	4	TOCB1110	Toán cho các nhà kinh tế <i>Mathematics for Economics</i>	3	Tiếng Việt	3												
1.3. Các học phần của ngành				12														
11	1	TKKD1129	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh <i>Statistics in economics and bussiness</i>	3	Tiếng Việt			3										
12	2	KTKE1101	Nguyên lý kế toán <i>Accounting Principles</i>	3	Tiếng Việt			3										
13	3	TOKT1106	Lý thuyết xác suất và thống kê toán <i>Probability and Mathematical Statistics</i>	3	Tiếng Việt		3											
14	4	NHLT1107E?	Lý thuyết tài chính tiền tệ <i>Monetary and Financial Theories</i>	3	Tiếng Anh			3										
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP				83														
2.1. Kiến thức cơ sở ngành				15														
15	1	DTKT1106	Kinh tế đầu tư 1 <i>Investment Economics</i>	3	Tiếng Việt			3										
16	2	TMKQ1101	Kinh tế quốc tế <i>International Economics</i>	3	Tiếng Việt			3										
17	3	NLKT1115	Kinh tế lao động <i>Labor Economics</i>	3	Tiếng Việt				3									
18	4	PTKT1101	Kinh tế phát triển <i>Development economics</i>	3	Tiếng Việt				3									
19	5	MTKT1104	Kinh tế và quản lý môi trường	3	Tiếng Việt					3								

TT No.	TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Học kỳ Semester								
						1	2	3	4	5	6	7	8	
			<i>Environmental Economics and Management</i>											
2.2. Kiến thức ngành				43										
2.2.1. Các học phần bắt buộc				28										
20	1	DTKT1155E	Lập dự án <i>Projects design</i>	4	Tiếng Anh				4					
21	2	DTKT1163E	Quản lý dự án <i>Projects Management</i>	4	Tiếng Anh					4				
22	3	KTTC1111E	Phân tích báo cáo tài chính <i>Financial Statement Analysis</i>	3	Tiếng Anh				3					
23	4	DTKT1119E	Kinh tế học cho người ra quyết định đầu tư <i>Economics for Investment Decision Makers</i>	3	Tiếng Anh				3					
24	5	DTKT1126	Kinh tế đầu tư 2 <i>Investment Economics 2</i>	3	Tiếng Việt					3				
25	6	DTKT1153E	Đấu thầu <i>Procurement</i>	3	Tiếng Anh					3				
26	7	DTKT1116E	Thị trường vốn <i>Capital Market</i>	3	Tiếng Anh						3			
27	8	DTKT1169	Thẩm định dự án đầu tư <i>Investment Project Appraisal</i>	3	Tiếng Việt						3			
28	9	DTKT1122	Đề án môn học <i>Course Project</i>	2	Tiếng Anh/Tiếng Việt								2	
2.2.2. Các học phần tự chọn của ngành (SV tự chọn 05 học phần trong tổ hợp sau)				15										
29-33	1	DTKT1134E	Đầu tư tài chính <i>Financial Investment</i>	3	Tiếng Anh								3	
	2	NHTM1121E	Ngân hàng Thương mại <i>Commercial Banking</i>	3	Tiếng Anh						3			
	3	MTDT1115	Kinh tế đô thị <i>Urban Economics</i>	3	Tiếng Việt				3					
	4	TKKT1108	Thống kê đầu tư và xây dựng <i>Statistics for Investment and Construction</i>	3	Tiếng Việt				3					
	5	TOKT1101	Kinh tế lượng 1 <i>Econometrics 1</i>	3	Tiếng Việt					3				
	6	QTKD1132	Quản trị chiến lược <i>Strategic Management</i>	3	Tiếng Anh					3				
	7	TIKT1138	Trực quan hóa dữ liệu trong kinh doanh <i>Data Visualization in Business</i>	3	Tiếng Việt							3		

TT No.	TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Học kỳ Semester								
						1	2	3	4	5	6	7	8	
	8	DTKT1120E	Đầu tư quốc tế <i>International Investment</i>	3	Tiếng Anh					3				
	9	BHKT1156	Kinh tế bảo hiểm <i>Insurance Economics</i>	3	Tiếng Việt					3				
	10	DTKT1149E	Chuyên đề tin học quản lý đầu tư <i>Using software to establish and manage project</i>	3	Tiếng Anh						3			
2.3. Kiến thức chuyên sâu (SV tự chọn 5 học phần trong tổ hợp sau)				15										
34-38	1	DTKT1161E	Quản lý chi phí dự án <i>Project Cost Management</i>	3	Tiếng Anh							3		
	2	DTKT1150E	Chuyên đề: Hệ thống đầu tư đa biên và công ty đa quốc gia <i>The Multilateral Investment System and Multinational Enterprises</i>	3	Tiếng Anh							3		
	3	LUKD1163	Pháp luật về đầu tư <i>Law on Investment</i>	3	Tiếng Việt			3						
	4	DTKT1147E	Tài trợ dự án <i>Project Financing</i>	3	Tiếng Anh							3		
	5	DKDG1104	Định giá giá trị doanh nghiệp 1 <i>Corporate Valuation I</i>	3	Tiếng Việt					3				
	6	TMKQ1107 E	Hội nhập Kinh tế quốc tế <i>International Economic Integration</i>	3	Tiếng Việt								3	
	6	DTKT1123E	Đầu tư theo hình thức PPP <i>Public Private Partnership</i>	3	Tiếng Anh					3				
	7	KTKE1107	Kế toán dự án đầu tư <i>Investment Project Accounting</i>	3	Tiếng Việt								3	
39	2.4.	DTKI1103E	Chuyên đề thực tập (Internship Programme)	10	Tiếng Việt /Tiếng Anh									10
Tổng số TC toàn khóa				130										

9. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN/INSTRUCTION

– CTĐT được thực hiện trong 04 năm. Mỗi năm có 02 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ (học kỳ hè học chuyên gia) theo học chế tín chỉ.

- Nội dung cần đạt được của từng học phần, khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thực hành/Tự học) và cách đánh giá học phần được quy định trong Đề cương chi tiết mỗi học phần. Đề cương chi tiết của từng học phần phải gắn với chuẩn đầu ra của chuyên ngành đào tạo.

- Điều kiện tốt nghiệp: sinh viên cần tích lũy đủ khối lượng kiến thức của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra tin học và ngoại ngữ theo công bố của Chương trình Tiên tiến, Chất lượng cao và POHE, có chứng chỉ GDQP-AN và hoàn thành các học phần GDTC và các quy định khác của trường.

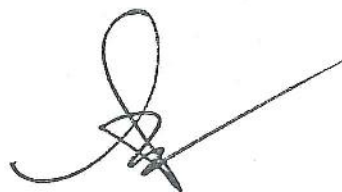
TRƯỞNG KHOA



PGS.TS. Phạm Văn Hùng

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐH. KINH TẾ QUỐC DÂN



PGS.TS. Phạm Hồng Chương